

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:25	19+2	0+0		19+3	0+0	chuyen 1 pvd8-avr
2		TD1+P8+BK6	7:25	13+9+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
3		CTK3+BK14	7:25	17+5	0+0		16+5	0+0	chuyen 1 ctk3-bk14
4		RC5+CLO	9:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
5		BK19+MRM	9:25	2+17	0+0		0+22	0+0	
6		TD1+P11+CTK3	9:25	12+0+9	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
7		CTK3+CLO	11:25	12+10	0+0		11+8	0+0	chuyen 1 ctk3-clo
8		MRM+PVD8	11:25	7+13	0+0		7+15	0+0	
9		CTK3+RP2	13:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
10		BK14+BK9+PPD	13:25	15+5+1	0+0+0		10+5+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người bk6 về đi P2

2/ Đi về trong ngày BK14-2ng, PVD8-6ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: NAM - LINH - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4251	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN NGHI	PVD8	86	1	12			68	PSV	Vietnamese
2	KRAMARENKO V.V.	PVD8						69	XNKT	Russian
3	BRANCHUKOV V.B.	PVD8	85	1	2			73	D-HANH	Russian
4	ZAKLADNYI R.N.	PVD8	84	1	2			103	D-HANH	Russian
5	USHAKOV A.A.	PVD8	82	1	2			88	ANTOAN	Russian
6	AVDEEV A.S.	PVD8	89	1	2			109	NIPI	Russian
7	PRAKOPCHIK I.V.	PVD8	83	1	2			80	YTE	Russian
8	TRAN AN NHANH	PVD8	87-88	2	17			61	HALLIBUR	Vietnamese
9	VU VAN TRONG	PVD8	30-31	2	12			65	PVD DD	Vietnamese
10	PHAM VAN DUONG	PVD8	96-97	2	9			69	PVDO	Vietnamese
11	TRAN DUC NGU	PVD8	99	1	11			73	PVDO	Vietnamese
12	NGUYEN THAC NGHIA	PVD8	32	1	5			64	PVDO	Vietnamese
13	PHAM VAN CHUNG	PVD8	98	1	5			68	PVDO	Vietnamese
14	NGUYEN NHAT THONG	PVD8	90	1	9			60	PVDO	Vietnamese
15	ĐẶNG BA HUY	PVD8	92	1	6			76	PVDO	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TOAN	PVD8	94-95	2	10			56	PVDO	Vietnamese
17	LƯƠNG QUỐC DŨNG	PVD8	93	1	4			68	PVDO	Vietnamese
18	HỒ CAO THƯỢNG	PVD8	91	1	9			81	PVDO	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC DU	PVD8	80-81	2	5			68	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU DINH MINH	SAVR	45-46	2	16	1	20	83	KHOAN	Vietnamese
21	HA KHUONG DUY	SAVR	48-49	2	20			66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.399	23	124	0	0	19		CHUYEN 01 PAX PVD8-SAVR
2	SAVR	2	149	4	36	1	20	3		
TOTAL		21	1.548	27	160	1	20	22		
WEIGHT KG			1.548		160		20			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P8 - TD1 - BK6	CREW: TUYỀN - MTHAO - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4255	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM VĂN TÂN	P8	14	1	10			90	XAYLAP	Vietnamese
2	HA VĂN NHIỆM	P8	13	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN TIEN DUNG	P8	17-18	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG BA NAM	P8	11-12	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN SY	P8	19-20	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN TRUONG	P8	16	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
7	LE QUANG PHUOC	P8	09-10	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
8	VÔ QUỐC TUÂN	P8	15	1	17			87	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN VUONG	P8	21	1	3	2	20	62	XAYLAP	Vietnamese
10	VU VAN QUY	TD1	07	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HOẠT	TD1	16	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
12	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	15	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN GIANG	TD1	13	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	TD1	06	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	14	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TUAN ANH	TD1	17-18	2	14			75	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM MINH HIỆU	TD1	98	1	2			55	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG MINH ĐỨC	TD1	11	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ VĂN HẬU	TD1	12	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH LUAN	TD1	10	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN CHUONG	TD1						72	KHOAN	Vietnamese
22	KIEU VAN HUAN	TD1	99,500	2	14			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	9	653	13	127	2	20	0		
2	TD1	13	864	14	70	0	0	13		
3	BK6	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	1.517	27	197	2	20	22		
WEIGHT KG			1.517		197		20			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:CTK3 - BK14	CREW: VTHĂNG - N.ANH - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4259	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CTK3	54	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	42	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THAI	CTK3	55-56	2	10	4	70	68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	49	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAO	CTK3	52-53	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CTK3	48	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	41	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI KHẮC PHONG	CTK3	39	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	47	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DAN	CTK3	57	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	50	1	5			76	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THẢO	CTK3	51	1	6			78	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	40	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	43	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN BÁC	CTK3	44	1	2			52	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ MINH GIANG	CTK3	45-46	2	6			73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	38	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MAI SƠN(GHÊ PHỤ)	CTK3						78	SAN BAY	Vietnamese
19	KUZMENKO TIMOFEY	BK14	02	1	5			85	KH-THAC	Russian
20	LÊ VĂN LINH	BK14				2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LÂM	BK14	03-04	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN KHANG	BK14	01	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
23	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14	200	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	18	1.287	20	109	4	70	16	4	CHUYỂN 1 PAX CTK3-BK14
2	BK14	5	386	5	31	2	40	5		
TOTAL		23	1.673	25	140	6	110	21		
WEIGHT KG			1.673		140		110			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THĂNG
 NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM -2	TO: RC5 - CLO	CREW: NAM - LINH - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4252	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN MINH	RC5	03-04	2	10			60	CODIEN	Vietnamese
2	ĐINH VAN HOANG	RC5	05	1	10	1	11	102	CODIEN	Vietnamese
3	SUKHOMLIN IGOR	CLO	11	1	6			125	KHOAN	Russian
4	ĐẶNG DUY LY	CLO	12	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	CLO	17	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN KHANG	CLO	27	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	23	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	18	1	4	1	9	74	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HUNG	CLO	31	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	10	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MẠNH HUNG	CLO	14	1	8			75	ANTOAN	Vietnamese
12	THẠCH HỮU TÂN	CLO	28-29	2	12			70	YTE	Vietnamese
13	BUI XUAN DUY	CLO	16	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH XUÂN PHU	CLO	26	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TRẦN NAM	CLO	15	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	07	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TẤT LỰC	CLO	08-09	2	10			69	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ HAI LONG	CLO	19	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH LỘ	CLO	30	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CLO	12-13	2	11			112	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TRUNG KIÊN	CLO	24-25	2	11			76	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG ĐÌNH QUANG	CLO	20-21	2	17			88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	2	162	3	20	1	11	0		
2	CLO	20	1.541	25	157	1	9	20		
TOTAL		22	1.703	28	177	2	20	20		
WEIGHT KG			1.703		177		20			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW


TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: BK19 - MRM	CREW: TUYỀN - MTHAO - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4256	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỮU TƯỜNG	BK19	73	1	4	3	50	64	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ QUY TRƯỜNG	BK19	74-75	2	20			69	CODIEN	Vietnamese
3	KONANOV IVAN	MRM	82-83	2	14			66	AMNGR	Russian
4	PIMAKIN OLEG	MRM	81	1	16			118	AMNGR	Russian
5	LOGANOV VITALII	MRM	75	1	12			92	AMNGR	Russian
6	PIKULSKII TIMUR	MRM	73-74	2	12			129	AMNGR	Russian
7	VŨ QUANG	MRM	95	1	12			77	D-HANH	Vietnamese
8	HỒ XUÂN TUYỀN	MRM	96	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HIỆU	MRM	97-98	2	18			83	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ THANH SƠN	MRM	94	1	11			77	DVL	Vietnamese
11	BOGOMOLOV DANIL	MRM	90-91	2	14			88	AMNGR	Russian
12	ABROSIMOV MAKSIM	MRM	79	1	15			88	AMNGR	Russian
13	BAROV VALERII	MRM	88-89	2	15			75	AMNGR	Russian
14	BOBRETISOV VADIM	MRM	76-77	2	10			80	AMNGR	Russian
15	KURAMAGOMEDOV GADZHI	MRM	84-85	2	13			95	AMNGR	Russian
16	AZBERGENOV DASTEM	MRM	92-93	2	13			88	AMNGR	Russian
17	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	80	1	14			72	AMNGR	Russian
18	KADATOV MIKHAIL	MRM	78	1	18			72	AMNGR	Russian
19	NIKULIN LEONID	MRM	86-87	2	13			91	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	2	133	3	24	3	50	0		
2	MRM	17	1.467	26	225	0	0	22		
TOTAL		19	1.600	29	249	3	50	22		
WEIGHT KG			1.600		249		50			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:TD1 - P11 - CTK3	CREW: VTHANG - N.ANH - THU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4260	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TUAN DUONG	TD1	25-26	2	17			88	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN MANH	TD1	19	1	11			68	DVL	Vietnamese
3	DUONG THE DUC	TD1	24	1	14			76	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC SON	TD1	21	1	17			69	DVL	Vietnamese
5	VU MANH NAM	TD1	20	1	13			78	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC BINH	TD1	23	1	15			66	DVL	Vietnamese
7	PHAM THE CUONG	TD1	22	1	9			65	DVL	Vietnamese
8	PHAM MINH THE	TD1	30	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI NGOC THANG	TD1	27	1	12			52	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGOC	TD1	28-29	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
11	DAU DUC HUNG	TD1	31	1	5			71	PSV	Vietnamese
12	PHAM HONG SON (22126)	CTK3	63	1	12	3	60	74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC HANH	CTK3	62	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH QUANG	CTK3	69	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HOANG	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	71	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	67-68	2	17			71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM CONG DUY	CTK3	64-65	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TRONG VO	CTK3	66	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	70	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HUU LOI	CTK3	75-76	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	11	774	13	143	0	0	3		
2	P11	0	0	0	0	0	0	2		
3	CTK3	10	753	12	93	3	60	17		
TOTAL		21	1.527	25	236	3	60	22		
WEIGHT KG			1.527		236		60			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRẮNG -3	TO:CTK3 - CLO	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4253	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	87	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN SON HA	CTK3	82	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM QUANG THAI	CTK3	81	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	88	1	14			87	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DAN QUE	CTK3	78	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NGUYEN MANH TUONG	CTK3	83	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE ANH TUAN (21426)	CTK3	85	1	11	1	8	77	KH-THAC	Vietnamese
9	CU XUAN HUY	CTK3	80	1	8			61	HVJOC	Vietnamese
10	HOANG MY TRUONG	CTK3	84	1	9			60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN NGOC	CTK3	77	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ TÀ HÙNG	CTK3	79	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN BA THUAN	CLO	91	1	12	1	13	75	CODIEN	Vietnamese
14	LE HOANG VU	CLO	01,600	2	17			67	CODIEN	Vietnamese
15	TRAN VAN TRANG	CLO	04	1	10			63	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN THANH	CLO	97-98	2	15	1	7	64	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC BIEU	CLO	92	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
18	ĐO THANH TUNG	CLO	95	1	10	2	20	66	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH KHA	CLO	02-03	2	14	2	35	64	CODIEN	Vietnamese
20	TRAN VAN GIANG	CLO	89	1	6			73	DVL	Vietnamese
21	LE TUAN VU	CLO	96	1	6			96	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN ĐỨC THANG	CLO	05	1	7			100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	12	884	11	116	1	8	11		CHUYEN 1 PAX CTK3-CLO
2	CLO	10	734	13	107	6	75	8		
TOTAL		22	1.618	24	223	7	83	19		
WEIGHT KG			1.618		223		83			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:MRM - PVD8	CREW: DƯƠNG - SON - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4257	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	POPOV MAKSIM	MRM	28	1	7			123	AMNGR	Russian
2	PHAN THE DOI	MRM	25-26	2	20			77	AMNGR	Vietnamese
3	PHAM NGOC HUY	MRM	24	1	7			71	AMNGR	Vietnamese
4	BORIS PANKOV	MRM	32	1	8			93	HALLIBUR	Russian
5	GILAEV AZAT	MRM	27	1	7			95	AMNGR	Russian
6	ISAKOV ALEKSEI	MRM	29	1	8			107	AMNGR	Russian
7	TARATONOV IURII	MRM	30-31	2	18			81	AMNGR	Russian
8	TRUONG MINH KHANH	PVD8	55	1	13			71	DVL	Vietnamese
9	LE PHU PHUC	PVD8	60	1	9	1	16	82	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TUAN	PVD8	57-58	2	16			83	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	PVD8	49-50	2	15			90	PVDWS	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUAN	PVD8	47	1	9			71	PVDWS	Vietnamese
13	CAO VAN THANG	PVD8	48	1	14			68	PVDWS	Vietnamese
14	NGUYEN HUU THANH	PVD8	54	1	11	2	24	60	PSV	Vietnamese
15	HA TAN DUOC	PVD8	51	1	7			76	PSV	Vietnamese
16	MAI NGUYEN THE PHONG	PVD8	52-53	2	9			85	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THANH BINH	PVD8	59	1	8	3	23	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	7	647	9	75	0	0	7		
2	PVD8	10	753	13	111	6	63	15		
TOTAL		17	1.400	22	186	6	63	22		
WEIGHT KG			1.400		186		63			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: NAU-4	TO:CTK3 - RP2	CREW: HUNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4254	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	73-74	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	CTK3	75-76	2	10			61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHIÊN	CTK3	72	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RP2	63	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	RP2	67-68	2	12			68	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH HOANG	RP2	55	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DUY ANH	RP2	75-76	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO QUỐC OAI	RP2	50	1	19			84	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ XUÂN VIỆT	RP2	72	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC NAM	RP2	61-62	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ VĂN HOÀI	RP2	58	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUANG KHU	RP2	69	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HUY DUẬN	RP2	59-60	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP2	53-54	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHÍNH	RP2	56-57	2	17			81	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY KHANH	RP2	73-74	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HUY CHƯƠNG	RP2	70-71	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TUẤN	RP2	65-66	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ XUÂN CHÍNH	RP2	64	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HOANG	RP2	51-52	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	3	192	5	39	0	0	1		
2	RP2	17	1.149	27	271	0	0	20		
TOTAL		20	1.341	32	310	0	0	21		
WEIGHT KG			1.341		310		0			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TIM - 4	TO: BK14 - BK9 - PPD	CREW: DUONG - SON - VU	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4258	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN NGUYEN GIA KINH	BK14	14	1	5	1	10	81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC TUONG	BK14	13	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LAM	BK14	18	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HUY	BK14	23	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN BINH	BK14	15-16	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TRONG NGHIA	BK14	07	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DINH SAM	BK14	19	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
8	CHAU HUNG HUY	BK14	17	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN CUONG	BK14	21-22	2	20			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC HIEP	BK14	24-25	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN HUNG	BK14	11-12	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TAM	BK14	10	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
13	DO VAN HUYEN	BK14	26-27	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
14	HAN CONG VIEN	BK14	08-09	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM NGOC NINH	BK14	20	1	8			78	PSV	Vietnamese
16	CAO VAN KHA KHA	BK9	34-35	2	9			83	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NGOC HIEP	BK9	37	1	7	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU TRUNG	BK9	36	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUAN	BK9	38	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
20	DO LY KHANH	BK9	33	1	14			85	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN SUU	PPD	32	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	15	1.085	21	178	1	10	10		
2	BK9	5	392	6	48	2	30	5		
3	PPD	1	78	1	7	0	0	5		
TOTAL		21	1.555	28	233	3	40	20		
WEIGHT KG			1.555		233		40			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAM THAI SON